

**TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI**  
**Tháng 12 và năm 2013**

**Ước thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2013**

	Năm 2013		Thực hiện năm 2012	
	Kế hoạch	Thực hiện		
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	>9,5	9,3	9,2
	<i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i>	5,0	5,6	6,0
	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	8,5-9,2	7,35	7,6
	<i>Dịch vụ</i>	10,5-10,8	10,7	10,3
3	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	13,5	-6	6,2
	Trong đó: - Trừ dầu thô	10,5	-2,5	3,0
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 so với tháng 12 năm trước (%)		105,2	104,07
5	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	248.500	227.033	216.945
6	Cấp phép mới vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)			
7	Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	229.514	229.514	212.064
	Thu ngân sách không tính dầu thô	197.514	197.514	177.804
	T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	134.080	125.514	109.427
	* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	80.050	72.000	67.810
8	Chi ngân sách địa phương trừ tạm ứng (tỷ đồng)	43.384	46.574	60.083
	T.đó: Chi đầu tư phát triển	12.978	20.413	19.590
9	Số LĐ được giải quyết việc làm (ngàn người)	265,0	293,2	289,4
	Trong đó: Được tạo việc làm mới	120,0	123,0	122,9
10	Tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chuẩn thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm)	2,32	0,8	3,3

Trong tình hình kinh tế năm 2013 của cả nước nói chung và thành phố nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt tình hình tiêu thụ hàng hóa chậm, xuất khẩu giảm, thị trường bất động sản chuyển biến không đáng kể, tín dụng tăng trưởng thấp, nhưng với sự chỉ đạo điều hành kịp thời của lãnh đạo các cấp, các ngành cùng sự nỗ lực của các doanh nghiệp, cơ sở trong tất cả các lĩnh vực, kinh tế thành phố đã có chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) ước tăng 9,3% so năm trước, tuy không đạt kế hoạch

đề ra nhưng đã tăng 0,1 điểm phần trăm so với mức của năm 2012; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 5,2% (bao gồm mức tăng học phí vào tháng 9, đầu năm học 2013-2014) thấp hơn mức tăng 6,04% của cả nước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) đạt 6,35% (năm 2012 đạt 5,1%); lượng bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 8,6%; tổng vốn đầu tư xã hội đạt 227 ngàn tỷ đồng, đạt 91,4% so kế hoạch đề ra, tăng 4,7%; thu ngân sách không tính dầu thô đạt 197,5 ngàn tỷ, tăng 11,1%; chi ngân sách địa phương 46,6 ngàn tỷ, giảm 22,5% so cùng kỳ.

## I. TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn cả năm tăng 9,3% so năm trước, cao hơn mức tăng 9,2% của năm 2012. Trong đó: tốc độ tăng so với cùng kỳ của quý I là 7,6%, quý II là 8,1%, quý III là 10,2% và quý IV đạt 10,7% .

### Tổng sản phẩm trong nước năm 2013

	Giá thực tế		Tốc độ tăng so với năm 2012 (%)	Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)		
<b>Tổng số</b>	<b>764.561</b>	<b>100,0</b>	<b>9,3</b>	<b>9,3</b>
<i>Phân theo khu vực</i>				
- Nông, lâm, thủy sản	7.769	1,0	105,6	0,05
- Công nghiệp và xây dựng	310.641	40,6	107,4	3,04
+ Công nghiệp	271.920	35,5	107,6	2,72
+ Xây dựng	38.721	5,1	105,8	0,32
- Dịch vụ	446.151	58,4	110,7	6,19

Trong 9,3% tăng trưởng chung của nền kinh tế, khu vực dịch vụ vẫn giữ mức đóng góp cao nhất với 6,19 điểm phần trăm, tiếp theo là công nghiệp và xây dựng 3,04 điểm phần trăm và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 0,05 điểm phần trăm.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản đạt 7.769 tỷ đồng, chiếm 1,02% GDP, tăng 5,6%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 310.641 tỷ đồng chiếm 40,6% GDP, tăng 7,4%; trong đó công nghiệp tăng 7,6%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 446.151 tỷ đồng chiếm 58,4% GDP tăng 10,7%. Trong đó: ngành thương nghiệp bán buôn bán lẻ tăng 11,7%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 14,1%, vận tải kho bãi tăng 8,6%.

## II. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 ước tăng 7,23% so với tháng trước. Đây là tháng có tốc độ tăng cao nhất trong năm do các doanh nghiệp đang khẩn trương sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng cuối năm và Tết nguyên đán 2014. Một số ngành tiếp tục có mức tăng khá: in ấn tăng 52,2%; giường tủ bàn ghế 28,1%; điện tử 13,5%; vật liệu xây dựng 11,5%; dệt tăng 10,4%; thuốc tăng

7,7%; da giày tăng 7,2%; sản xuất đồ uống tăng 5,2%; chế biến thực phẩm tăng 5,2%.

So với tháng 12 cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 14,17%.

**Mức tăng chỉ số công nghiệp cả năm 2013 ước đạt 6,35% so năm 2012**, bao gồm: công nghiệp khai khoáng giảm 5,3%; công nghiệp chế biến tăng 6,3%; sản xuất phân phối điện tăng 7,1%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 14,4% so cùng kỳ. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

### Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 12 so với tháng 11	Năm 2013 so với năm 2012
<b>Tổng số</b>	<b>107,23</b>	<b>106,35</b>
<b>Chia theo ngành cấp 1</b>		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	118,3	94,7
2. Công nghiệp chế biến	107,3	106,3
3. SX và phân phối điện	100,3	107,1
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	102,6	114,4
<b>Một số ngành chủ yếu</b>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	105,2	104,5
2. Sản xuất đồ uống	105,2	109,3
3. Sản xuất quần áo	104,5	111,1
4. Sản xuất da và SP liên quan	107,2	110,3
5. SX hóa chất và SP hóa chất	97,3	102,7
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	103,9	110,3
7. Sản xuất vật liệu xây dựng	111,5	102,6
8. Sản xuất SP điện tử	113,5	102,7
9. Sản xuất thiết bị điện	98,5	106,9
10. SX ô tô	104,0	80,6

Có 22/26 ngành (ngành cấp 2) tăng so với năm trước. Trong đó một số ngành có tỷ trọng tăng cao như: sản xuất sản phẩm kim loại, trang phục, da giày, thuốc, cao su, giấy, đồ uống, thuốc lá... có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Có 4 ngành giảm: sản xuất giường tủ bàn ghế (-3,1%), khai khoáng (-5,3%), sản xuất kim loại (-8,5%) và ô tô (-19,4%).

Xét theo sản phẩm, trong năm 2013 có một số sản phẩm sản xuất tăng khá cao như: sản xuất sản phẩm bằng kim loại tăng 27,4%; vali túi xách tăng 19,7%; xà phòng chất tẩy rửa tăng 14,4%; áo quần tăng 11,1%; thuốc tăng 10,8%; bao bì plastic tăng 10,3%; giày dép tăng 9,6%; bia tăng 9,3%; thuốc lá tăng 8,4%; tivi tăng 6,9%; sản phẩm thịt tăng 4,6%; xi măng tăng 3,2%... Như vậy các sản phẩm phục vụ tiêu dùng thiết yếu (thực phẩm), một số sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm vật liệu xây dựng vẫn duy trì mức tăng.

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: tháng 12 ước tăng 6,1% so tháng 11; tăng 15% so tháng cùng kỳ và cộng dồn cả năm tăng 5,8% so với năm trước, thấp hơn mức tăng chung của ngành công nghiệp chế biến, cao hơn mức tăng cộng dồn 11 tháng 0,1%. So với năm 2012: ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng 7,1%; hóa dược cao su tăng 8,4%; điện tử tăng 2,7% và cơ khí chế tạo tăng 6,6%. Trong 4 ngành trọng điểm, ngành điện tử có tốc độ tăng thấp nhất, các ngành còn lại đều tăng cao hơn mức tăng chung của ngành.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 1/12 bằng 99,5 % so thời điểm 1/11. Tình hình tồn kho tháng này không tăng do các đơn vị sản xuất đặc biệt là ngành thực phẩm, đồ uống, sản xuất phương tiện vận tải xuất hàng cho các đơn vị thương mại chuẩn bị bán phục vụ dịp cuối năm và dịp Tết. Có 10 ngành (ngành cấp 2) tồn kho tăng so tháng trước, trong đó một số ngành có mức tăng khá cao: thuốc lá (+35,9%); trang phục (+15,9); tủ, bàn, ghế (+9,9%); hóa chất (+4,0%); thuốc (+1,6%)... Các ngành tháng trước có chỉ số tồn kho cao nhưng tháng này giảm mạnh là phương tiện vận tải (-65,8%); đồ uống (-54,9%); thực phẩm chế biến (-11,6%); điện tử (-10,2%)...

### III. XÂY DỰNG:

Giá trị sản xuất xây dựng quý 4 trên địa bàn thành phố theo giá thực tế ước thực hiện 48.264,6 tỷ đồng, tăng 15,9% so quý 3, kỳ tăng 7,7% so quý cùng. Nhìn chung, giá trị sản xuất xây dựng quý 4 của các khu vực đều tăng so với quý 3. Trong đó: kinh tế nhà nước +9,5%; kinh tế ngoài nhà nước +17,6% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài +3,5%. **Cộng dồn cả năm theo giá thực tế ước thực hiện 152.556,2 tỷ đồng, tăng 5,8%** so với năm trước, bao gồm: kinh tế nhà nước 12.990,1 tỷ đồng, chiếm 8,5%, tăng 0,4%; kinh tế ngoài nhà nước 128.988,5 tỷ đồng, chiếm 84,6%, tăng 6,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 10.577,6 tỷ đồng, chiếm 6,9%, tăng 5,4%.

Giá trị sản xuất xây dựng quý 4 theo giá so sánh ước thực hiện 40.422,6 tỷ đồng, tăng 15,8% so quý 3, chỉ tăng 6,8% so quý cùng kỳ. **Giá trị sản xuất xây dựng năm 2013 theo giá so sánh ước đạt 127.769 tỷ đồng, tăng 4,9%** so năm 2012, bao gồm: kinh tế nhà nước 10.879,5 tỷ đồng, chiếm 8,5%, giảm 0,5%; kinh tế ngoài nhà nước 108.040,6 tỷ đồng, chiếm 84,6%, tăng 5,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 8.858,9 tỷ đồng, chiếm 6,9%, tăng 4,5%.

Mặc dầu có mức tăng cao hơn 9 tháng (9 tháng tăng 5,4%) nhưng nhìn chung hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp nhận thầu trên địa bàn thành phố vẫn khó khăn do thị trường bất động sản chưa có chuyển biến đáng kể và tình hình kinh tế khó khăn chung.

### IV. ĐẦU TƯ

#### 1. Vốn đầu tư

**Tổng vốn đầu tư trên địa bàn năm 2013 ước thực hiện 227.033 tỷ đồng**, so với cùng kỳ tăng 4,7%, (*năm 2012 tăng 6,9%*), trong đó vốn nhà nước có mức tăng cao

nhất. Kinh tế khó khăn, tiêu thụ hàng hóa chậm, đặc biệt lĩnh vực bất động sản vẫn chưa có chuyên biến đáng kể là những nguyên nhân ảnh hưởng giảm đầu tư của các doanh nghiệp.

### Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn

	Thực hiện năm 2013 (tỷ đồng)	So sánh năm 2013 với 2012(%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng số</b>	<b>227.033</b>	<b>104,7</b>	<b>100,0</b>
- Vốn nhà nước	50.256	106,3	22,1
- Vốn ngoài nhà nước	141.032	104,4	62,1
- Vốn nước ngoài	35.745	103,3	15,8

**Vốn đầu tư so GDP đạt 29,7%, tỷ lệ này của năm 2012 là 32,9%.**

*Trong đó: Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 12 tháng ước thực hiện 197.684 tỷ đồng, bằng 92,3% kế hoạch năm; tăng 4,6% so với năm 2012 (năm 2012 tăng 6,8%).*

**Vốn đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn thuộc ngân sách thành phố:** 12 tháng ước thực hiện 18.941,9 tỷ đồng, đạt 90,4% kế hoạch năm, tăng 11,2% so với cùng kỳ; cấp thành phố ước thực hiện 10.493,7 tỷ đồng, chiếm 55,4%, tăng 17,9% so cùng kỳ; cấp quận huyện 8.448,2 tỷ đồng, chiếm 44,6%, tăng 3,8% so cùng kỳ.

### Vốn đầu tư thực hiện thuộc ngân sách thành phố

	Thực hiện năm 2013 (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Năm 2012
<b>Tổng số</b>	<b>18.941,9</b>	<b>90,4</b>	<b>111,2</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	1.195,0	104,0	86,8
<b>Cấp thành phố</b>	<b>10.493,7</b>	<b>88,4</b>	<b>117,9</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	645,8	94,8	77,7
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>8.448,2</b>	<b>93,6</b>	<b>103,8</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	549,2	117,2	100,6

Trong năm 2013, nguồn vốn đầu tư từ các khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, vốn nước ngoài, khu vực nhà ở hộ dân có tốc độ tăng chậm lại so với các năm trước, nhưng có nhiều dự án hạ tầng lớn thuộc nguồn vốn ngân sách và doanh nghiệp hoàn thành đưa vào sử dụng có tác dụng đáng kể làm giảm ùn tắc giao thông tại các giờ cao điểm, tạo ra cảnh quan môi trường thông thoáng, kích thích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tăng vốn đầu tư trong tương lai:

- Đặc biệt trong năm nay có 6 dự án cầu vượt bằng sắt đã đưa vào sử dụng đạt hiệu quả rất cao đó là: cầu vượt bằng sắt tại các điểm vòng xoay Hàng Xanh, ngã tư Thủ Đức, vòng xoay Lăng Cha Cả, vòng xoay Cây Gõ, ngã tư đường 3/2 – Nguyễn Tri Phương và ngã tư đường Hoàng Hoa Thám – Cộng Hòa.

- Hoàn thành 5 km trên 13,6 km dự án đường vành đai Tân Sơn nhất- Bình Lợi, tạo điều kiện thuận lợi giao thông từ hướng cửa ngõ Thủ Đức đi Sân bay Tân Sơn Nhất.

- Đường vành đai phía Đông, nối từ hướng quận 7 qua quận 2 ra hướng Quận 9, với tổng vốn đầu tư 316,5 tỷ đồng.

- Cầu Sài Gòn 2 với tổng vốn đầu tư 1.485 tỷ đồng được hoàn thành tháng 7/2013 vừa giảm ùn tắc giao thông vừa góp phần tăng cảnh quan đô thị.

- Cầu Long Thành đã hoàn thành, với tổng vốn đầu tư gần 1.500 tỷ đồng thuộc dự án cao tốc Thành phố HCM – ngã ba Dầu Giây, dự án này hoàn thành có ý nghĩa rất quan trọng, làm giảm rất nhiều thời gian các phương tiện giao thông ra Bắc, tạo ra các vệ tinh lân cận để phát triển kinh tế trọng điểm của Thành phố...

## **2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân:**

Tính đến ngày 30/11, toàn thành phố đã cấp 38.344 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 6.619,8 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới 34.445 giấy phép, với diện tích 6.1430,3 ngàn m<sup>2</sup> và 3.899 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 489,5 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 6,4% về giấy phép (+ 2.309 ) và tăng 9,0% về diện tích (+ 548,8 ngàn m<sup>2</sup>).

## **3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài**

Từ đầu năm đến ngày 15/12, đã có 440 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký đạt 963,1 triệu USD (vốn điều lệ 664,5 triệu USD). Vốn đầu tư bình quân một dự án đạt 2,2 triệu USD.

**Chia theo hình thức đầu tư:** 100% vốn nước ngoài 329 dự án, vốn đầu tư 422,8 triệu USD; liên doanh 110 dự án, vốn đầu tư 470,4 triệu USD, hợp tác kinh doanh 1 dự án, vốn đầu tư 69,9 triệu USD.

**Chia theo ngành nghề:** thương nghiệp 128 dự án, vốn đầu tư 213,5 triệu USD (chiếm 22,2% tổng vốn); công nghiệp 49 dự án, vốn đầu tư 123,6 triệu USD (chiếm 12,8%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 97 dự án, vốn đầu tư 293 triệu USD (chiếm 30,4%); kinh doanh bất động sản 9 dự án, vốn đầu tư 147 triệu USD (chiếm 15,3%); thông tin truyền thông 81 dự án, vốn đầu tư 33,6 triệu USD; xây dựng 38 dự án, vốn đầu tư 60 triệu USD; y tế 7 dự án, vốn đầu tư 33 triệu USD;...

**Chia theo quốc gia đầu tư:** có 39 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào địa bàn thành phố, trong đó Nhật Bản đứng đầu về số dự án được cấp mới với 118 dự án, vốn đầu tư 102,4 triệu USD; Singapore 61 dự án, vốn đầu tư 287,1 triệu USD (chiếm 29,8% tổng vốn); Hàn Quốc 67 dự án, vốn đầu tư 34 triệu USD; Hồng Kông 25 dự án, vốn đầu tư 15 triệu USD; Hà Lan 6 dự án, vốn đầu tư 21,4 triệu USD; Đức 12 dự án, vốn đầu tư 24,4 triệu USD; Cayman Islands 4 dự án, vốn đầu tư 391,7 triệu USD (chiếm 40,6%); Thái Lan 22 dự án, vốn đầu tư 11,8 triệu USD;...

Điều chỉnh vốn đầu tư 130 dự án, số vốn tăng 693,7 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/12 đạt 1.656,8 triệu USD, tăng 28,6% so với cùng kỳ.** Giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác, rút phép trước hạn 62 dự án, vốn đầu tư 435,4 triệu USD.

**Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố tính đến ngày 15/12 đạt 4.890 dự án với vốn đầu tư đạt 33,1 tỷ USD.**

## **4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động**

### **a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn đầu tư nước ngoài)**

Tính từ đầu năm đến 15/12 đã có 25.349 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó: khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 22,9% (cùng kỳ 23,1%), tăng 5,7%; khu vực dịch vụ chiếm 76,7% (cùng kỳ 76,3%), tăng 7,5%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: 1.138 doanh nghiệp tư nhân, 2.800 công ty cổ phần và 21.411 công ty TNHH.

Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 114,6 ngàn tỷ đồng, chỉ bằng 62,2% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy tuy số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng nhưng tổng vốn đầu tư giảm, quy mô vốn bình quân doanh nghiệp chỉ bằng 58% so cùng kỳ.

### **b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động**

Theo báo cáo từ cơ quan Thuế, tổng số doanh nghiệp ngưng nghỉ 11 tháng đầu năm là 20.585 doanh nghiệp, bằng 82,5% số doanh nghiệp được mới được cấp mã số thuế, giảm 5,6% so cùng kỳ, trong đó có 5 doanh nghiệp nhà nước, 247 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 20.302 doanh nghiệp ngoài nhà nước. Bình quân 1 tháng có 1.871 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, con số này của năm 2012 là 1.982 doanh nghiệp.

## **V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

Nông nghiệp thành phố năm 2013 mặc dù chịu ảnh hưởng thời tiết phức tạp, mưa và triều cường gây ngập úng và xâm nhập mặn ảnh hưởng đến trồng trọt, dịch bệnh ở các tỉnh lân cận,... Tuy nhiên, với sự quan tâm hỗ trợ các cấp, các ngành và sự nỗ lực của nông dân, cơ cấu cây trồng vật nuôi được chuyển dịch theo hướng tích cực. Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng khá so với năm trước.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2013 đạt 14.633,5 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 5,7% so với năm trước (giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá cố định năm 1994 đạt 4.017,1 tỷ đồng, tăng 6,1% so với năm trước). Trong đó, sản xuất nông nghiệp chiếm 73,4%, tăng 4,6%; lâm nghiệp tăng 5,6%; thủy sản chiếm 25,7%, tăng 9,6%.

### **Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 2013**

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	Tỷ đồng	% so sánh với năm 2012
<b>Tổng số</b>	<b>14.633,5</b>	<b>100,0</b>	<b>10.840,1</b>	<b>105,7</b>
Nông nghiệp	10.742,1	73,4	8.406,6	104,6
+ Trồng trọt	4.096,5	28,0	3.178,4	105,4
+ Chăn nuôi	5.718,5	39,1	4.513,5	104,0
+ Dịch vụ	927,1	6,3	714,7	105,0
Lâm nghiệp	132,1	0,9	93,6	105,6
Thủy sản	3.759,3	25,7	2.339,9	109,6

### **1. Nông nghiệp**

Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 10.742,1 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,6%; trong đó trồng trọt tăng 5,4%, chăn nuôi tăng 4%.

### 1.1. Trồng trọt:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm ước đạt 44.371 ha, tăng 6,7% so năm trước. Trong đó diện tích lúa 21.293 ha, sản lượng đạt 90,2 ngàn tấn; bắp 1.131 ha, tăng 47,2%; rau 10.363 ha, tăng 4,9%; diện tích đậu phộng tăng 32,3%; mía tăng 7,2% so năm trước.

#### Dự ước kết quả sản xuất một số cây hàng năm chủ yếu

	Thực hiện năm 2013			% so sánh năm 2013 với năm 2012		
	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích	Năng suất	Sản lượng
<b>Tổng số</b>	<b>44.371</b>			<b>106,7</b>		
Lúa	21.293	42,4	90.259	95,2	102,0	97,1
Bắp	1.131	31,4	3.548	147,2	91,7	134,9
Rau	10.363	244,8	253.710	104,9	101,8	106,8
Đậu phộng	386	28,1	1.084	132,3	96,3	127,4
Mía	2.410	631,6	152.215	107,2	100,5	107,7

**Vụ đông xuân 2013-2014:** Rau gieo trồng 2.884,5 ha, lúa đã xuống giống 917,5 ha (riêng huyện Củ Chi 821 ha).

### 1.2. Chăn nuôi: (kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10/2013)

**Đàn gia súc:** đàn trâu 5.577 con tăng 3,4% so với cùng kỳ (huyện Củ Chi 3.677 con chiếm 65,9% tổng đàn, tăng 21,4%). Đàn bò 112 ngàn con (bò sữa chiếm 79,1% tổng đàn) tăng 3,1%. Heo 286,7 ngàn con, giảm 11,6% do giá thịt heo hơi trên thị trường luôn giảm làm cho người nông dân chăn nuôi heo bị lỗ đã ảnh hưởng đến tổng đàn heo của thành phố.

**Gia cầm và chăn nuôi khác:** Đàn gà 290 ngàn con, tăng 27,4%, được nuôi tập trung chủ yếu tại 2 hộ nuôi gia công cho công ty CP. Các vật nuôi khác như thỏ, dê, cừu, ... số lượng không nhiều và hiệu quả kinh tế chưa rõ nét.

### 2. Lâm nghiệp

Giá trị sản xuất lâm nghiệp 132,1 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 5,6% so cùng kỳ; trong đó hoạt động khai thác **chiếm 85,3%**, tăng 8,6% so cùng kỳ.

Tổng diện tích đất lâm nghiệp 36.727 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 34.411 ha, đạt tỉ lệ che phủ là 16,4%. Diện tích rừng trồng tập trung bổ sung năm nay đạt 206 ha (rừng sản xuất 120 ha và rừng phòng hộ 86 ha), tăng 6,4% so năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác 19.825 m<sup>3</sup>, tăng 22,1%; sản lượng củi 3.871 stere, giảm 7,5%; nguyên liệu giấy 24.146 tấn, tăng 75% so năm trước.

### 3. Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản năm 2013 ước đạt 3.759 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 9,6% so năm 2012. Sản lượng thủy sản ước đạt 52.163,5 tấn tăng 5,3%; trong đó nuôi trồng chiếm 58,3%, tăng 9,8%, khai thác chiếm 41,7%, giảm 0,4%.

**Khai thác:** khai thác hải sản biển 1.285 đơn vị với 660 tàu thuyền khai thác có động cơ, chủ yếu tập trung tại huyện Cần Giờ với tổng công suất 18.856 CV.

Trong đó khai thác xa bờ 20 đơn vị với 24 phương tiện đang hoạt động, tổng công suất 4.890CV; khai thác gần bờ 636 phương tiện với tổng công suất 13.966 CV. Khai thác thủy sản nội địa 166 phương tiện có động cơ, 160 phương tiện không có động cơ.

**Nuôi trồng:** Tính đến thời điểm 1/11/2013 toàn thành phố có 4.526 cơ sở nuôi trồng. Tổng diện tích thủy sản cho thu hoạch trong năm 2013 là 6.786 ha.

## VI. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

### 1. Nội thương

Trong tháng 12, các đơn vị bán lẻ đã tổ chức nhiều hoạt động khuyến mãi, giảm giá tại các siêu thị, trung tâm thương mại... để kích thích tiêu dùng, tuy nhiên do tình hình kinh tế còn khó khăn, vì vậy sức mua chưa tăng cao.

Ước tính trong tháng 12, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 58.099,4 tỷ đồng, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 14,5% so với tháng 12 năm trước.

**Ước tính cả năm, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 606.978,9 tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ, loại trừ yếu tố giá tăng 8,6%.**

Khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước tính 477.760,6 tỷ đồng, chiếm phần lớn trong tổng mức (78,7%) và có mức tăng 12,9%. Kinh tế nhà nước 104.950,1 tỷ đồng, chiếm 17,3%, tăng 10,4%. Kinh tế có vốn nước ngoài 24.268,2, chiếm 4%, tăng 16,3%.

Một số đơn vị bán lẻ của nước ngoài đã được cấp phép hoạt động và đang mở rộng thị trường tại Việt Nam, doanh thu có xu hướng ngày càng tăng, tuy nhiên so với tổng mức vẫn còn ở mức thấp.

Hoạt động thương nghiệp ước tính 494.292,1 tỷ đồng, chiếm 81,4% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 11,7%. Khách sạn nhà hàng 68.738,9 tỷ đồng, chiếm 11,3%, tăng 15,9%; Dịch vụ du lịch lữ hành 14.452,2 tỷ đồng, chiếm 2,4%, tăng 24,6%.

### Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện năm 2013 (tỷ đồng)			% so sánh năm 2013 với năm 2012		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
<b>Tổng mức</b>	<b>606.979</b>	<b>582.711</b>	<b>24.268</b>	<b>112,6</b>	<b>112,4</b>	<b>116,3</b>
Tr.đó: Thương nghiệp	494.292	488.421	5.871	111,7	111,6	118,8
Khách sạn	7.017	3.429	3.587	110,2	112,6	107,9
Nhà hàng	61.722	58.063	3.659	116,6	116,9	112,0
Dịch vụ du lịch lữ hành	14.452	12.089	2.363	124,6	126,5	115,7

**Hàng hóa phục vụ thị trường Tết Giáp Ngọ 2014:** Tổng giá trị hàng hóa chuẩn bị phục vụ bình ổn thị trường ước tính 4.901 tỷ đồng, tăng 1.879 tỷ đồng (+62,2%) so với Tết năm trước. Nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm được chuẩn bị

với số lượng lớn, đáp ứng 30-60% nhu cầu tiêu dùng như dầu ăn (61,5%), đường (75,4%), thịt gia cầm (66%), trứng gia cầm (47,8%), thực phẩm chế biến (64,7%), thịt gia súc (32,2%)...

\* **Tình hình du lịch:** doanh thu khách sạn và dịch vụ du lịch lữ hành cả năm ước đạt 21.469 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó doanh thu khách sạn tăng 10,2%, dịch vụ du lịch lữ hành tăng 24,6%. Để đạt được mức tăng trưởng trên, các đơn vị khách sạn, lữ hành đã có nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá... đặc biệt thành phố cũng đã tổ chức nhiều lễ hội vào dịp cuối năm thu hút du khách.

## 2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 tăng 0,39% so với tháng 11; khu vực thành thị tăng 0,37% và khu vực nông thôn tăng 0,52%.

Trong 11 nhóm hàng, có 4 nhóm hàng giảm giá so tháng trước: thuốc và dịch vụ y tế giảm 0,02%; giao thông giảm 0,34% (chủ yếu do giá nhiên liệu giảm); văn hóa giải trí du lịch giảm 0,02%; hàng hóa dịch vụ khác giảm 0,27%; có 2 nhóm không thay đổi là bưu chính viễn thông và giáo dục; 5 nhóm hàng tăng giá trong đó tăng cao nhất và ảnh hưởng nhiều nhất đến chỉ số giá chung là nhóm nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng với mức tăng 2,91%, nguyên nhân chủ yếu do giá gas tăng mạnh vào đầu tháng (+4,81%), ngoài ra điện sinh hoạt tháng này cũng tăng khá cao (+3,78%).

### Chỉ số giá tháng 12

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 12 so với tháng trước		Tháng 12 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>100,17</b>	<b>100,39</b>	<b>104,07</b>	<b>105,2</b>
Trong đó: Lương thực	100,20	100,60	99,18	97,19
Thực phẩm	100,24	100,21	101,01	105,52
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>100,94</b>	<b>96,38</b>	<b>104,39</b>	<b>75,78</b>
<b>3. Chỉ số giá USD</b>	<b>99,93</b>	<b>100,23</b>	<b>98,19</b>	<b>101,60</b>

Mức biến động tăng một số mặt hàng chính trong tháng: Thịt heo (+0,59%); Thịt gia cầm (-0,51%); Thịt chế biến (+58%); Trứng các loại (-0,07%), thủy sản tươi sống (+0,79%); thủy sản chế biến (+0,47%); nước mắm nước chấm (-0,27%); bơ sữa phomat (+0,16%); chè cà phê các loại (+0,19%); đậu hạt các loại (+0,73%); Rau các loại (+0,41%); trái cây các loại (-0,21%); nhiên liệu (-0,6%); vé ô tô khách (-0,37%); dịch vụ khách sạn (-0,29%).

### Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng qua các tháng

	Đơn vị tính: %		
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>So với tháng trước</b>			
Tháng 1	+1,01	+0,89	+0,44
Tháng 2	+1,61	+1,32	+1,00
Tháng 3	+2,20	+0,12	-0,29
Tháng 4	+3,16	+0,08	-0,33
Tháng 5	+2,38	+0,06	-0,16

Tháng 6	+0,69	-0,43	+0,12
Tháng 7	+1,11	-0,57	+0,17
Tháng 8	+0,68	+0,66	+0,31
Tháng 9	+0,88	+1,21	+3,13
Tháng 10	+0,18	+0,40	+0,17
Tháng 11	+0,28	+0,10	+0,17
Tháng 12	+0,73	+0,17	+0,39
<b>Tháng 12 so với tháng 12 năm trước</b>	<b>+15,86</b>	<b>+4,07</b>	<b>+5,20</b>

Trong năm có 3 tháng giá giảm, 9 tháng giá tăng mức tăng cao nhất vào tháng 9 do ảnh hưởng việc tăng học phí (+3,13%) và mức tăng thấp nhất vào tháng 6 (+0,12%). Chương trình bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu đã góp phần tích cực trong việc kiềm hãm mức độ tăng giá bất thường trên địa bàn thành phố.

So với tháng 12/2012 chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,2%, tuy cao hơn cùng kỳ năm 2012, nhưng chỉ bằng 1/3 mức tăng của tháng 12/2011. Bình quân 1 tháng trong năm 2013 giá tăng 0,42%; con số này của năm 2012 và 2011 lần lượt là: 0,38% và 1,23%.

**Chỉ số giá tiêu dùng bình quân của cả năm 2013 (so với giá bình quân 2012) tăng 3,67% (mức tăng của cùng kỳ là 7,74%).**

Chỉ số giá bình quân của vàng giảm 8,48% so với năm trước, tỷ giá USD bình quân tăng 1,2%

## VII. XUẤT NHẬP KHẨU

### 1. Xuất khẩu

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12 ước thực hiện 2.336,8 triệu USD, giảm 4,7% so tháng trước, giảm 0,2% so cùng kỳ năm trước.

**Ước tính cả năm, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 26.575,1 triệu USD, giảm 6% so năm trước (tương đương giảm 1.696,5 triệu USD).** Loại trừ trị giá dầu thô, kim ngạch hàng hoá xuất khẩu đạt 19.399,4 triệu USD, giảm 2,5% so năm trước.

Khu vực kinh tế trong nước (không kể dầu thô) 9.572,9 triệu USD, chiếm 49,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 2,5%. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 9.826,5 triệu USD, chiếm 50,7%, tăng 1,7%.

### Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế

Không tính dầu thô

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12	Năm 2013	Tháng 12 với tháng 11	Năm 2013 so với 2012
<b>Tổng số</b>	1.795,8	19.399,4	105,6	97,5
Kinh tế nhà nước	109,6	1.233,8	119,0	54,1
Kinh tế ngoài nhà nước	740,0	8.339,1	105,5	104,8
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	946,1	9.826,5	104,4	101,7

Về thị trường xuất khẩu: đứng đầu là Mỹ đạt 4.302,4 triệu USD, chiếm 16,2% trong tổng kim ngạch (kể cả dầu thô), tăng 2,9% so năm trước; kế đến là Nhật Bản 4.084,8 triệu USD, chiếm 15,4%, giảm 17,5% ; Malaysia 2.694,6 triệu USD, chiếm 10,1%, tăng 1,7%; Trung Quốc 2.643,5 triệu USD, chiếm 9,9%, giảm 17,3%; Hàn Quốc chiếm 5,9%, tăng 6,7%...

Về mặt hàng xuất khẩu:

- Gạo: 915,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,7% trong tổng kim ngạch không kể dầu thô, giảm 51,3% (lượng giảm 48,1%, giá giảm 6,2%). Xuất khẩu gạo giảm do nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn như Trung Quốc, Malaysia giảm mạnh.

- Cao su 899,2 triệu USD, chiếm 3,4%, giảm 22,9% (lượng giảm 9,7%, giá giảm 14,6%)

- Cà phê 587,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3%, giảm 22,8% (lượng giảm 20,2%, giá bình quân giảm 3,3%);

- Thủy sản 659 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,4%, giảm 12,2%

- May mặc 4.438,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 22,9%, tăng 2%. Khu vực có vốn nước ngoài chiếm 47,4%, tăng 0,9%; khu vực trong nước chiếm 52,6%, tăng 3%.

- Giày dép 1.945,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10%, tăng 1,7%. Khu vực có vốn nước ngoài chiếm 80,9%, tăng 5,7%; khu vực trong nước chiếm 19,1%, giảm 12,2%.

- Máy tính, SP điện tử và linh kiện 2.924,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,1%, tăng 14,7%. Khối doanh nghiệp có vốn nước ngoài chiếm 98,7%, tăng 14,5%; khu vực trong nước chiếm 1,3%, tăng 32,4%.

## 2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12 ước đạt 2.265,3 triệu USD, tăng 10,6% so tháng trước, tăng 23,2% so cùng kỳ.

Ước tính cả năm, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 25.872,9 triệu USD, tăng 14,9% so năm trước. Khu vực kinh tế trong nước 17.066,2 triệu USD, chiếm 66%, tăng 22,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 8.806,7 triệu USD, chiếm 34%, tăng 1,9%.

### Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 12	Năm 2013	Tháng 12 với tháng 11	Năm 2013 so với 2012
<b>Tổng số</b>	2.265,3	25.872,9	110,6	114,9
Kinh tế Nhà nước	187,4	3.066,1	154,2	147,8
Kinh tế ngoài nhà nước	1.212,6	14.000,1	110,4	118,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	865,3	8.806,7	104,4	101,9

Về thị trường nhập khẩu: đứng đầu là Trung Quốc 5.668 triệu USD, chiếm 21,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 19,7%; kế đến Hồng Kông 2.512,4 triệu

USD, chiếm 9,7%, tăng gấp 3 lần; Singapore 2.112,2 triệu USD, chiếm 8,2%, giảm 9,9%; Nhật Bản 1.581,1 triệu USD, chiếm 6,1%, giảm 10,3%; Đài Loan 1.544,2 triệu USD, chiếm 6%, tăng 7,3%...

Về mặt hàng nhập khẩu:

- Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 516,2 triệu USD, tăng 0,3%.
- Nhiên liệu 423,4 triệu USD, giảm 32%.
- Vải và nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 2.803 triệu USD, tăng 0,9%.
- Sắt thép đạt 1.084,3 triệu USD, tăng 6,6%.
- Tân dược đạt 959,5 triệu USD, giảm 8,2%.
- Dầu mỡ động thực vật đạt 275,6 triệu USD, giảm 16,1%.
- Chất dẻo đạt 1.516,3 triệu USD, tăng 6,3%.

## VIII. VẬN TẢI

### 1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 12 ước đạt 5.390 tỷ đồng, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 18,2% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính năm 2013 đạt 54.854,4 tỷ đồng, tăng 15,6% so năm trước.

#### Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách năm 2013

	Doanh thu (tỷ đồng)		so sánh với năm 2012 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>38.067,3</b>	<b>16.787,2</b>	<b>116,6</b>	<b>113,6</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	5.850,2	1.289,1	101,8	116,6
Kinh tế ngoài nhà nước	31.952,1	12.921,3	119,9	116,4
Kinh tế cổ vốn nước ngoài	265,0	2.576,8	102,7	100,4
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	20.802,3	14.212,8	118,2	116,0
Đường sông	3.606,8	292,3	119,1	120,2
Đường biển	13.586,3		113,7	
Đường hàng không	71,9	2.282,1	86,9	99,9

- Doanh thu vận tải hàng hóa tháng 12 ước đạt 3.825,1 tỷ đồng, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 20,8% so với cùng kỳ. Ước tính cả năm 2013 đạt 38.067,3 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,4% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 16,6% so năm trước; doanh thu đường bộ chiếm tỷ trọng 54,6% trong tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, tăng 18,2%; doanh thu vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 35,7%, tăng 13,7%.

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển trong năm ước đạt 134.254 nghìn tấn, tăng 11,7% so năm trước. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 55.533,5 triệu tấn.km, tăng 5,7%.

- Doanh thu vận tải hành khách tháng 12 ước đạt 1.564,8 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ. Ước tính cả năm đạt 16.787,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,6% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 13,6% so năm trước; trong đó doanh

thu vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 84,7% trong tổng doanh thu vận tải hành khách, tăng 16% so với cùng kỳ; kế đến là vận tải hàng không chiếm 13,6%, giảm 0,1%.

- Số lượt hành khách vận chuyển trong năm ước đạt 765.176 nghìn lượt người, tăng 5,2% so năm trước. Hành khách luân chuyển đạt 15.652,7 triệu lượt người.km, tăng 3,8%.

## 2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 12 ước đạt 6.587,3 nghìn tấn, tăng 1,3% so tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó hàng hoá qua cảng biển chiếm 97,5%, tăng 10,1% so với năm trước.

### Hàng hoá thông qua cảng

	Sản lượng (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 12	Năm 2013	Tháng 12 so tháng 11	Năm 2013 so với 2012
<b>Tổng số</b>	<b>6.587,3</b>	<b>73.072,2</b>	<b>101,3</b>	<b>109,2</b>
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.446,5	71.247,3	101,1	110,1
Cảng sông	140,8	1.824,9	110,3	82,6
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.475,3	28.011,1	101,0	108,3
Hàng nhập khẩu	2.981,0	32.556,6	100,9	111,2
Hàng nội địa	1.131,0	12.417,4	103,0	105,5

Ước tính cả năm, khối lượng hàng hóa qua cảng đạt 73.072,2 nghìn tấn, tăng 9,2% so với năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 28.011,1 nghìn tấn, chiếm 38,3%, tăng 8,3%; hàng nhập khẩu 32.556,6 nghìn tấn, chiếm 44,6%, tăng 11,2%; hàng nội địa 12.417,4 nghìn tấn, tăng 5,5%.

## IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

### 1. Tài chính:

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 12 tháng ước thực hiện 229.514 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, tăng 8,2% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 125.514 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, tăng 14,7% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 72.000 tỷ đồng, tăng 6,2%; thu từ dầu thô 32.000 tỷ đồng, giảm 6,6%.

### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán (điều chỉnh)	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>229.514</b>	<b>229.514</b>	<b>100,0</b>	<b>108,2</b>
I- Thu nội địa	125.514	125.514	100,0	114,7
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	31.046,5	31.046,5	100,0	149,4
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.514,9	29.514,9	100,0	111,3
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	29.526,9	29.526,9	100,0	117,6
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	72.000	72.000	100,0	106,2
III- Thu từ dầu thô	32.000	32.000	100,0	93,4

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 12 tháng ước 31.046,5 tỷ đồng, chiếm 24,7% tổng thu nội địa, tăng 49,4% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương 20.361,5 tỷ đồng, tăng 73,6%; Nhà nước địa phương 10.685 tỷ đồng, tăng 18,1%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 29.514,9 tỷ đồng, chiếm 23,5%, tăng 11,3% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 29.526,9 tỷ đồng, chiếm 23,5%, tăng 17,6%. Thu khác 35.425,8 tỷ đồng, giảm 4,4%; trong đó tiền sử dụng đất 7.602 tỷ đồng, giảm 23,4%, thuế thu nhập cá nhân 17.386,9 tỷ đồng, tăng 3,2%.

**Thu ngân sách nhà nước địa phương (chưa tính thu chuyển nguồn) 12 tháng ước 59.684,5 tỷ đồng, vượt 37,6% dự toán, tăng 3,4% so cùng kỳ.**

**Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 12 tháng ước thực hiện 46.574,2 tỷ đồng, vượt 7,4% dự toán, giảm 22,5% so cùng kỳ.**

#### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 12 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 12 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>43.384,1</b>	<b>46.574,2</b>	<b>107,4</b>	<b>77,5</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	12.978,8	20.413,5	157,3	104,2
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.390,0	1.449,3	42,8	119,9
II- Chi thường xuyên	28.190,0	26.149,3	92,8	105,8
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	4.394,8	3.969,0	90,3	100,2
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	7.958,2	7.617,8	95,7	110,9
Sự nghiệp y tế	3.002,2	2.941,6	98,0	108,5
Quản lý hành chính	4.171,1	3.968,3	95,1	103,3

Chi đầu tư phát triển 12 tháng ước thực hiện 20.413,5 tỷ đồng, tăng 4,2% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay 1.449,3 tỷ đồng, tăng 19,9% so cùng kỳ.

Chi thường xuyên 12 tháng ước 26.149,3 tỷ đồng, tăng 5,8% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 3.969 tỷ đồng, tăng 0,2%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 7.617,8 tỷ đồng, tăng 10,9%; chi sự nghiệp y tế 2.941,6 tỷ đồng, tăng 8,5%; chi quản lý hành chính 3.968,3 tỷ đồng, tăng 3,3%; chi đảm bảo xã hội tăng 6,4%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 38,4%.

**Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 12 tháng ước 69.357,2 tỷ đồng, vượt 59,9% dự toán, tăng 15,4% so cùng kỳ.**

#### 2- Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 1.127,9 ngàn tỷ đồng, tăng 2,3% so tháng trước (chỉ số này tháng trước là +2,9%), tăng 10,2% so cuối năm 2012 và tăng 30,2% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,4% tổng vốn huy động, tăng 26,6% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16,0%, giảm 15,1% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84,0% tổng vốn huy động, tăng 44,9% so cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 54,8%, tăng 65,7% so với cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 12 đạt 931,1 ngàn tỷ đồng, tăng 1,3% so tháng trước; thấp hơn chỉ số của tháng 11 (tháng 11:+2,8%). Dư nợ tăng 6,5% so cuối năm 2012, nhìn chung tình hình cho vay các ngân hàng trên địa bàn thành phố vẫn chưa có khởi sắc.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 511,8 ngàn tỷ đồng, chiếm 55% tổng dư nợ, tăng 38,4% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 148,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 16% tổng dư nợ, giảm 30,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 782,4 ngàn tỷ đồng chiếm 84% tổng dư nợ, tăng 49,3% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,6%, tăng 20,1% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,4% tăng 31,7% so cùng kỳ.

### 3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 11, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 gồm 301 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, giảm 1 chứng khoán so với cuối tháng 10 (ngày 27/11/2013 hủy niêm yết chứng chỉ quỹ VFMVF4 của Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam để thực hiện việc chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 846.431,6 tỷ đồng, tăng 24,35% so với cuối năm trước. Trong tháng 11, có 21 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. VN-Index có một tháng rất ổn định xoay quanh mốc 500 điểm với mức thấp nhất là 496,12 điểm và mức cao nhất trong tháng là 509,16 điểm (có xu hướng tăng nhẹ). Đến cuối tháng, VN-Index đạt 507,78 điểm, tăng 10,37 điểm (tương ứng tăng 2,08%) so với cuối tháng trước. So với cuối năm trước, VN-Index tăng 22,73% (tương ứng tăng 94,05 điểm).

- Khối lượng giao dịch của tháng 11/2013 đạt 1.957,7 triệu chứng khoán, tăng 24,2% so với tháng 10/2013. Giá trị giao dịch của tháng đạt 25.192,8 tỷ đồng, tăng 4,0% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 93,2 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 1.199,7 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 36,0% và giá trị giao dịch tăng 13,9% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 11, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 418,35 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 07/06 với 527,97 điểm.

#### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11	11 tháng	Tháng 11 so tháng 10	11 tháng so cùng kỳ
<b>Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)</b>	<b>1.957,7</b>	<b>14.240,9</b>	<b>124,2</b>	<b>109,7</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	1.946,6	14.117,4	124,9	109,4
Trái phiếu	0,5	36,0	4,1	166,7
Chứng chỉ quỹ	10,6	87,5	168,3	144,4
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.871,1	12.991,6	127,4	120,7
Giao dịch thoả thuận	86,6	1.249,3	79,7	56,2

<b>Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)</b>	<b>25.192,8</b>	<b>235.790,1</b>	<b>104,0</b>	<b>115,4</b>
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	25.060,9	231.692,8	109,2	114,8
Trái phiếu	49,7	3.188,6	4,0	161,3
Chứng chỉ quỹ	82,2	908,7	179,5	232,8
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	22.312,2	195.325,2	113,9	128,1
Giao dịch thỏa thuận	2.880,6	40.464,9	62,1	78,2

Đến ngày 13/12, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 303 gồm 301 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 11. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 843.521,9 tỷ đồng, tăng 23,92% so với cuối năm trước. VN-Index tại ngày 13/12 đạt 506,06 điểm, tăng 22,32% so với cuối năm trước (tương ứng tăng 92,33 điểm).

## **X. DÂN SỐ VÀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Dân số:**

Dân số bình quân trên địa bàn thành phố năm 2013 ước hiện có 7.990,1 ngàn người, tăng 2,5% so với năm 2012; khu vực thành thị là 6.591,9 ngàn người, chiếm 82,5% trong tổng dân số, tăng 2,7% so năm trước. Tỷ lệ tăng dân số cơ học 15,42‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10,04‰.

### **2. Hoạt động văn hóa thông tin:**

Năm 2013, nhiều hoạt động văn hóa đã được tổ chức nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn. Các hoạt động đã được tổ chức với nhiều hình thức mới, lạ, phong phú nhưng vẫn mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, thu hút đông đảo quần chúng tham gia hưởng ứng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân, như hội thi nấu bánh tét truyền thống, biểu diễn cờ người, Lân Sư Rồng, viết thư pháp, Ca kịch Quảng Đông và các trò chơi dân gian, hội thi karaoke, tổ chức chiếu phim, các chương trình văn nghệ, tạp kỹ, chợ hoa, dàn dựng và biểu diễn chương trình ca múa nhạc tạp kỹ chủ đề “Mừng Đảng-Mừng Xuân”.... Trung tâm Văn hóa Thành đã tổ chức 04 cuộc Liên hoan cấp Thành phố (Văn nghệ thiếu nhi hè, Đờn ca tài tử thành phố năm 2013 giải “Hoa sen vàng”, Tiếng hát trên Vành đai xanh năm 2013, Liên hoan Hát ru, Dân ca, Hò lý) và tham dự 04 cuộc Liên hoan, Hội diễn, Lễ hội cấp quốc gia.

Về hoạt động văn hóa cơ sở với các phong trào: Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Phát hành Bộ tiêu chuẩn văn hóa giai đoạn 2012-2015, hướng dẫn quy trình công nhận các danh hiệu văn hóa và hướng dẫn tiêu chuẩn các danh hiệu văn hóa. Khảo sát cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, nhân sự phục vụ công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở các phường tại thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện sơ kết 03 năm phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” 2011-2013 và tuyên dương gia đình văn hóa tiêu biểu xuất sắc lần II-năm 2013. Xây dựng tuyến đường điểm, tuyến kênh Nhiêu Lộc-Thị Nghè, Tàu Hủ- Bến Nghé xanh-sạch-đẹp giai đoạn 2013-2015...tiếp tục hình thành một số mô hình, giải pháp tiêu biểu như xây dựng điểm sáng văn hóa tại các điểm kinh doanh internet của quận Phú Nhuận, bồi dưỡng kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc cho thanh thiếu niên trên địa bàn

quận 1, mô hình Hội thi người bán hàng năng động 2013 nhằm nâng cao nhận thức vai trò của tiểu thương và người kinh doanh tham gia thực hiện phong trào người kinh doanh mới, xây dựng chợ văn minh-thương nghiệp.

- **Biểu diễn nghệ thuật:** Trong năm 2013 các đơn vị nghệ thuật ước thực hiện 2.100 suất diễn (Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh: 624 suất, 528,4 ngàn lượt người xem. Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội: 164 suất, 90,7 ngàn lượt người xem. Đoàn Xiếc Thành phố: 294 suất, 505,2 ngàn lượt người xem. Nhà hát Giao hưởng, Nhạc, Vũ kịch: 41 suất, 19,9 ngàn lượt người xem. Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang: 123 suất, 109,3 ngàn lượt người xem. Đoàn Nghệ thuật Múa rối: 662 suất, 201,3 lượt người xem...), đã tổ chức 615 suất biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, ngoại thành, trường trại, thu hút hơn 326,9 ngàn lượt người xem.

- **Hoạt động thư viện :** Năm 2013, đã có 1.441 ngàn lượt bạn đọc, giảm 14,8% so với năm 2012, đạt 144% kế hoạch năm. Thư viện Khoa học Tổng hợp đã tổ chức 18 đợt triển lãm sách, xe Thư viện số lưu động đã phục vụ 13 chuyên tại tỉnh Đồng Tháp, Bình Thuận, Cà Mau, Bình Phước, Sóc Trăng, thành phố Mỹ Tho và các huyện ngoại thành, có 8 chuyên phục vụ phục vụ người khiếm thị (trong đó có 3 chuyên phục vụ tại tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Bến Tre) và có 16 chuyên phục vụ Thanh Thiếu niên tại các trường học trên địa bàn Thành phố...

- **Hoạt động bảo tàng:** Trong năm 2013, các bảo tàng trực thuộc Sở đã tổ chức được 191 cuộc trưng bày, triển lãm và 9 cuộc tọa đàm khoa học. Tổng số khách tham quan ước đạt 2.980 ngàn lượt (tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước), khách nước ngoài ước đạt 936 ngàn lượt (tăng 32%). Thành phố đã chỉ đạo các bảo tàng trực thuộc thực hiện tốt công tác tuyên truyền quảng bá, giới thiệu hoạt động qua website nhằm phục vụ người xem, thường xuyên nâng cấp và cập nhật các thông tin hoạt động mới. Các hoạt động trưng bày chuyên đề có nhiều khởi sắc và một số chuyên đề đã tạo được sức hút mạnh đối với khách tham quan.

- **Hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính:** Đoàn Kiểm tra Liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố kiểm tra 197 cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính 176 cơ sở, với số tiền phạt là 12,2 tỷ đồng, tịch thu nhiều tang vật, vật phẩm văn hóa, tước quyền sử dụng giấy phép đối với 6 cơ sở và 4 doanh nghiệp, chuyển cơ quan Công an truy cứu trách nhiệm hình sự 02 trường hợp về hành vi kinh doanh rượu nhập lậu và hành vi đánh bạc.

### 3. Thể dục thể thao

**Thể dục thể thao cộng đồng:** Năm 2013, phong trào thể dục thể thao quần chúng diễn ra rất sôi nổi với nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Hoạt động thể dục thể thao cộng đồng tiếp tục được tổ chức dưới hình thức xã hội hóa nên đã thu hút được sự quan tâm và tham gia các phong trào đông đảo của quần chúng, nhân dân thành phố. Một số hoạt động đáng chú ý như: cuộc đua Xích lô từ thiện "Saigon Cyclo Challenge 2013"; chương trình chạy bộ "RMIT Viet Nam Fun Run 2013"; chương trình đi bộ gây quỹ "Bàn chân hạnh phúc – nâng bước đến trường"; giải Bóng đá mini phong trào toàn quốc Cúp bia Sài Gòn năm 2013....

Giải thể thao Người khuyết tật thành phố năm 2013 tiếp tục được tổ chức với 4 môn thể thao (Bóng đá khiếm thị, Bóng đá thiếu năng, Judo khiếm thị, Bocce cho trẻ thiếu năng, chậm phát triển trí tuệ và down) đã thu hút được gần 250 VĐV của các trung tâm nuôi dạy người khuyết tật, các trường chuyên biệt và Trung tâm TDDT, VH-TT tham dự. Đoàn vận động viên thể thao khuyết tật thành phố tham dự Giải thể thao người khuyết tật toàn quốc năm 2013 với 309 người gồm 263 VĐV, 24 HLV, 9 sẵn sóc viên, 3 dẫn đường, 2 bác sĩ, 8 cán bộ đoàn đã tiếp tục bảo vệ thành tích hạng nhất toàn đoàn với 312 HCV, 211 HCB và 115 HCD.

**Thể thao thành tích cao:** Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc và quốc tế chính thức, đóng góp lực lượng cho Đội tuyển quốc gia tham dự SEA Games lần 27 năm 2013, Indoor Games, Võ thuật 2013. Thành phố đã triển khai tổ chức giải thi đấu các cấp, tuyển chọn cử vận động viên tập huấn, thi đấu trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Tập huấn Quốc gia: triệu tập 51 HLV, 222 VĐV thuộc 31 môn dự tuyển quốc gia.
- Tập huấn trong nước: đã tổ chức tập huấn cho 361 HLV, 1.813 VĐV, 07 chuyên gia ở 35 bộ môn.
- Tập huấn nước ngoài: tổ chức tập huấn cho 18 HLV, 109 VĐV thuộc 12 bộ môn.

#### **Tham gia thi đấu các giải:**

- Trong nước: Cử 674 HLV, 3.642 VĐV, 18 chuyên gia, 88 trọng tài tranh tài ở 43 môn thể thao tham dự giải toàn quốc. Đạt được: 667 HCV, 545 HCB, 497 HCD.
- Quốc tế: Cử 144 HLV, 614 VĐV, 9 chuyên gia và 9 trọng tài thuộc 38 môn thể thao tham dự các giải thi đấu quốc tế và đạt thành tích: 96 HCV, 91 HCB, 74 HCD.

#### **4. Y tế**

**\* Tình hình dịch bệnh: (từ đầu năm đến 27/11/2013)**

Năm 2013, Thành phố vẫn tiếp tục tập trung chỉ đạo khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, xử lý nước thải, chất thải nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, chống và dập các loại dịch bệnh nguy hiểm, tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát phòng chống dịch tại các phường/xã có số ca mắc cao và hỗ trợ phun thuốc phòng chống dịch tại các quận/huyện. Đồng thời tăng cường công tác phòng chống dịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức tuyên truyền trong các trường học. Kiểm soát bệnh trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng đông dân cư, nhất là ở các khu nhà trọ, xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng.

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca phát hiện trong 11 tháng năm 2013 là 7.829 ca, giảm 27,5% (-2.977 ca) so cùng kỳ năm 2012. Có 5 ca tử vong, giảm 2 ca so cùng kỳ. Bệnh tập trung ở một số quận/huyện: Quận 8, Bình Tân, Bình Chánh...

- **Bệnh tay chân miệng:** trong 11 tháng năm 2013 số ca mắc bệnh đã phát hiện 7.252 ca, giảm 42,3% (-5.327 ca) so với cùng kỳ năm trước; có 1 ca tử vong (cùng kỳ năm 2012 có 6 ca tử vong). Các ca bệnh tập trung chủ yếu ở các quận vùng ven và các

huyện ngoại thành có dân nhập cư đông, điều kiện môi trường chưa tốt, ý thức phòng ngừa bệnh của người dân còn thấp.

- **Các bệnh truyền nhiễm khác:** Cúm A(H7N9) và Cúm A(H5N1) chưa ghi nhận ca mắc bệnh trong 11 tháng đầu năm. Dịch cúm A/H1N1 trong 11 tháng, thành phố ghi nhận 27 ca mắc bệnh, trong đó có 6 ca tử vong, tất cả các ca tử vong đều có yếu tố nguy cơ biến chứng.

Bệnh tiêu chảy: 11 tháng đầu năm có 2.158 ca, giảm 25,3% so với cùng kỳ 2012. Bệnh thủy đậu: phát hiện 350 ca, tăng 10,4% so với cùng kỳ.

**\* Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):**

- Tình hình ngộ độc thực phẩm: Từ đầu năm đến nay trên địa bàn thành phố đã xảy ra 2 vụ ngộ độc tập thể, giảm 2 vụ so với cùng kỳ năm trước, với 172 người mắc (giảm 66% so với cùng kỳ).

- Công tác kiểm tra, thanh tra: Lập 377 đoàn kiểm tra, thanh tra, trong đó: thành phố có 23 đoàn (liên ngành: 02 đoàn), quận/huyện có 35 đoàn (liên ngành: 29 đoàn), phường/xã có 319 đoàn. Từ đầu năm đến nay đã tiến hành kiểm tra 21.452 cơ sở, phát hiện 8.752 cơ sở vi phạm VSATTP, đã tiến hành xử phạt 724 cơ sở với số tiền 3,1 tỷ đồng.

**\* Công tác khám chữa bệnh và điều trị:**

Năm 2013, Ngành Y tế Thành phố ước thực hiện khám và điều trị cho khoảng 31 triệu lượt bệnh nhân, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm 2012. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú gần 1,4 triệu lượt bệnh nhân, tăng 6,1 % so với cùng kỳ năm 2012.

**\* Tiêm chủng mở rộng:**

Vaccin tiêm chủng đã được cung cấp đầy đủ, công tác tuyên truyền, vận động người dân đưa con em đến các cơ sở y tế để tiêm chủng, được thực hiện thường xuyên. Tỷ lệ trẻ tiêm chủng đầy đủ 8 mũi cơ bản năm 2013 ước đạt trên 90%. (đạt chỉ tiêu đề ra).

## 5. Giáo dục

Tình hình giáo dục đầu năm học 2013 – 2014:

+ Mầm non: toàn thành phố có 877 trường mẫu giáo, mầm non tăng 9,6% (tăng 77 trường) so với năm học trước. Số phòng học 12.446 phòng, tăng 11,4%. Số lớp học 11.048 lớp, tăng 11,8% (tăng 1.170 lớp). Số giáo viên 17.956 người, tăng 10,1% (tăng 1.647 người). Số trẻ em đi nhà trẻ, mẫu giáo 325.284 em, tăng 11,1% (tăng 32.379 em) so với năm học trước.

+ Phổ thông: toàn thành phố có 922 trường phổ thông, tăng 5 trường so với năm học trước. Số phòng học 26.017 phòng, tăng 2% (tăng 509 phòng). Số lớp học là 27.096 lớp, tăng 2,2% (tăng 583 lớp). Số giáo viên 46.988 người, tăng 4,2% (tăng 1.873 giáo viên). Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên của thành phố đạt chuẩn giáo dục là trên 99,1%. Số học sinh đầu năm học 1.083,3 ngàn học sinh, tăng 3,5%; trong đó số học sinh trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 116,3 ngàn, sĩ số bình quân 40 học sinh/lớp.

## **6. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 16/11/2012 đến 15/11/2013)**

### **\* Vi phạm kinh tế và môi trường**

Số vụ vi phạm kinh tế đã phát hiện và xử lý trong năm là 1.457 vụ, giá trị tài sản thiệt hại khoảng trên 564 tỷ đồng, thu nộp ngân sách nhà nước trên 31,4 tỷ đồng.

Trong năm đã phát hiện 1.215 vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường với 1.216 đối tượng vi phạm. Đã xử lý hành chính 922 vụ, khởi tố 03 vụ, nộp ngân sách nhà nước trên 21,1 tỷ đồng.

**\* Phạm pháp hình sự:** Trong năm 2013, đã xảy ra 6.218 vụ phạm pháp hình sự, tăng 4,9% (+290 vụ) so với năm trước, làm chết 133 người, bị thương 758 người, thiệt hại tài sản khoảng 90 tỷ đồng. Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 4.119 vụ, bắt 5.254 tên.

### **\* Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội**

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm trên địa bàn thành phố trong năm 2013 là 1.885 vụ, tăng 9,4% (+162 vụ) so với cùng kỳ năm trước, bắt giữ 3.950 người mua bán, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Khởi tố 1.206 vụ với 1.720 bị can, xử phạt hành chính 679 vụ với 2.230 đối tượng, lập hồ sơ chuyển giao cho trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã là 1.293 người.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã khám phá 116 vụ mua bán dâm, xử lý 591 người tổ chức môi giới và gái mại dâm.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 823 vụ tổ chức cờ bạc với 4.377 người tham gia, thu giữ trên 5,2 tỷ đồng và nhiều tang vật khác.

### **\* Trật tự an toàn giao thông**

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 949 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 1,2% (-12 vụ) so với cùng kỳ năm 2012; làm chết 781 người, giảm 4,9% (-40 người) so với cùng kỳ; bị thương 335 người, giảm 9,9% (-39 người) so với cùng kỳ năm trước. Lập biên bản xử lý hành chính 970,8 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, nộp kho bạc Nhà nước trên 357 tỷ đồng.

+ **Tai nạn đường sắt, đường thủy:** Năm 2013 tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 06 vụ, không có người chết và bị thương, có 08 vụ tai nạn giao thông đường sắt xảy ra, làm chết 08 người, bị thương 01 người.

**\* Về tình hình cháy, nổ:** Năm 2013 trên địa bàn thành phố đã xảy ra 598 vụ cháy, tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm 2012; làm chết 13 người, tăng 3 người so với năm trước, bị thương 24 người, tăng 15 người so với năm 2012, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 80 tỷ đồng (trong đó còn 13 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Quận/huyện có số vụ cháy nhiều nhất là quận 8 và nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện.

- Trong năm 2013, đã xảy ra 08 vụ nổ, giảm 03 vụ so với năm trước, làm chết 13 người, tăng 05 người so với cùng kỳ, bị thương 13 người, giảm 05 người so cùng kỳ. thiệt hại về tài sản ước khoảng 5 triệu đồng(có 02 vụ chưa ước tính được thiệt hại).

## **7. Công tác xóa đói giảm nghèo**

Tính đến 30/11, trên địa bàn thành phố còn khoảng 18.542 hộ nghèo (theo chuẩn thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm) với 81.709 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 1,02% tổng số hộ dân, ước cả năm 2013 tỷ lệ này đạt 0,8%. Theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015 về hộ nghèo và cận nghèo, thành phố không còn hộ nghèo, hộ có thu nhập trong

chuẩn hộ cận nghèo còn 1.886 hộ, với 7.200 nhân khẩu, chiếm 0,001% tổng hộ dân thành phố.

Quỹ giảm nghèo đến ngày 30/11 có 260,1 tỷ đồng, đang trợ vốn cho 31.519 hộ nghèo và 165 cơ sở sản xuất kinh doanh thu nhận 1.820 lao động nghèo với tổng số tiền 214,2 tỷ đồng.

Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội cho người nghèo – hộ nghèo, các ngành chức năng của thành phố đã lập danh sách và cấp phát 103.120 thẻ BHYT cho người nghèo- người cận nghèo (theo chuẩn nghèo của thành phố), hỗ trợ 1,13 tỷ đồng cho 1.214 học sinh thuộc diện hộ nghèo. Đào tạo nghề cho 1.920 lao động nghèo và giới thiệu việc làm cho 12.441 lao động nghèo và 23 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Phát 63.182 phần quà với kinh phí 28,8 tỷ đồng chăm lo tết trong dịp Tết Nguyên Đán 2013...

### **8. Giải quyết việc làm:**

Dự ước trong tháng 12/2013 các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 28,3 ngàn lượt lao động, trong đó lao động có việc làm ổn định là 21,3 ngàn người, số chỗ việc làm mới tạo ra là 12,5 ngàn chỗ. Như vậy, năm 2013 thành phố đã thu hút lao động, giải quyết việc làm 293,2 ngàn lượt người, vượt 10,6% kế hoạch năm, tăng 1,47% so với năm 2012. Trong đó, số người có việc làm ổn định là 200,9 ngàn người (chiếm 68,5% số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới được tạo ra trong năm là 123 ngàn, vượt 2,5% kế hoạch năm, tăng 0,06% so với năm trước.

Tỷ lệ số người thất nghiệp năm 2013, trên cơ sở theo dõi kết quả thu thập, ghi chép thông tin về tình trạng giải quyết việc làm của người từ 15 tuổi trở lên của lao động thành phố là 4,83%.

### **9. Tình hình thực hiện bảo hiểm thất nghiệp:**

Trong năm 2013 (tính từ 02/01 đến 06/12), trên địa bàn thành phố có 117,6 ngàn người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, giảm 15,6% so với năm 2012. Có 104,9 ngàn người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp. 104,2 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 12,9% so cùng kỳ, số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp là 1.174 tỷ đồng. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 154,8 ngàn người; Số người được hỗ trợ học nghề là 4,9 ngàn người, với số tiền hỗ trợ 870 triệu đồng.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố năm 2013 của thành phố Hồ Chí Minh./.